TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 13-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành, nghề nghiệp: Công chức Ban tổ chức Huyện ủy Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Vi Thị Hòa, nghề nghiệp: Giáo viên trường tiểu học Hòa Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhưỡng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/TLST-HS, ngày 13 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn H, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2005, tại huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Sán chỉ; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn N và bà Ninh Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 17-01-2024 tại Nhà tại giữ Công an huyện Lộc Bình đến nay, có mặt.

2. Lành Văn N, sinh ngày 07 tháng 12 năm 2006 (đến ngày phạm tội bị cáo được 17 tuổi 0 tháng 27 ngày), tại huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lành Văn Đ và bà Vy Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17-

01-2024, gia hạn tạm giữ 02 lần, đến ngày 26-01-2024 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, hiện tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lành Văn N*: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lành Văn N*: Ông Lành Văn Đ, sinh năm 1974 và bà Vy Thị V, sinh năm 1971; đều trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (*là bố mẹ của bị cáo*); bà Vân có mặt, ông Địa vắng mặt.

- *Bị hại*:

1. Anh Chu Quốc A, sinh năm 2005; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn Q, sinh ngày 28/01/2009; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Văn Q: Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1984 và bà Phương Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (*là bố mẹ đẻ*); đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Văn Q: Bà Phạm Thị T– Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Anh Lộc Văn M, sinh ngày 06/6/2008; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Lộc Văn M: Bà Nông Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (*là mẹ đẻ*); vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lộc Văn M: Bà Bạch Ánh T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Chu Văn T, sinh ngày 18/7/2006; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người dại diện hợp pháp của anh Chu Văn T: Ông Chu Văn C, sinh năm 1973 và bà Vi Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (*là bố mẹ đẻ*); đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Chu Văn T: Bà Nguyễn Thanh H – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Anh Nông Công T, sinh ngày 10/01/2008; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Nông Công T: Ông Nông Văn G, sinh năm 1985 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (*là bố mẹ đẻ*); đều vắng mặt.

3. Anh Lành Hữu Q, sinh ngày 01/02/2007; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Lành Hữu Q: Ông Lành Văn M, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (*là bố mẹ đẻ*); đều vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lành Hữu Q: Bà Hoàng Thị N – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Anh Lô Văn C, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài mục đích cá nhân nên Lành Văn N và Lý Văn H đã lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 03/01/2024, Lành Văn N đến phòng trọ của Lộc Văn M tại khu P, thị trấn L, huyện L chơi. Sau khi ngồi chơi, Lành Văn N mượn xe mô tô của Lộc Văn M để đi chơi cùng bạn, Lộc Văn M đồng ý cho Lành Văn N mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha Biển kiểm soát (BKS) 12L1-185.43. Lành Văn N điều khiển xe mô tô đến phòng trọ của Chu Văn T (cách phòng trọ của Lộc Văn M khoảng 500m) thì gặp Lý Văn H. Ngồi chơi được một lúc thì Lý Văn H bảo N mang xe của Lộc Văn M đi cầm cố lấy tiền, Lành Văn N đồng ý. Tiếp đó, Lý Văn H mượn căn cước công dân của Nông Công T nhưng không nói cho Nông Công T mục đích cầm cố tài sản. Do không có xe để đi nên Lành Văn N nhờ Lành Hữu Q đi cầm cố xe mô tô, Lành Hữu Q đồng ý chở Lành Văn N đi cầm cố xe mô tô. Nông Công T và Lành Hữu Q đều không biết xe mô tô mà Lý Văn H, Lành Văn N lấy đi cầm cố là chiếm đoạt của người khác. Sau đó Nông Công T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 12L1-185.43 chở Lý Văn H còn Lãnh Hữu Quyền điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu tím, BKS 12L1-206.44 chở Lành Văn N đi về hướng thị trấn Na Dương, khi đến quán điện tử ở cầu Pò Lọi thì Lý Văn H vào quán điện tử chơi. Lành Văn N, Lành Hữu Q, Nông Công T đi đến quán sửa chữa, mua bán xe mô tô của Lô Văn C tại Phố N, thị trấn N, huyện L. Khi đến nơi Lành Văn N thỏa thuận với Lô Văn C cầm cố xe mô tô BKS 12L1-185.43 với số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Sau đó Lành Văn N, Lành Hữu Q, Nông Công T quay về quán điện tử ở cầu Pò Lọi chơi, Lành Văn N đã sử dụng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để đổ

xăng xe mô tô nên chia cho Lý Văn H số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng), Lành Văn N và Lý Văn H mỗi người đưa cho Nông Công T 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và đã sử dụng toàn bộ số tiền còn lại để tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ ngày 08/01/2024, Lý Văn H đang chơi ở phòng trọ của Chu Quốc A tại khu P, thị trấn L, huyện L thì có người yêu của Chu Quốc A đến chơi. Sau đó Chu Quốc A đưa 30.000đ (ba mươi nghìn đồng) và bảo Lý Văn H lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng - đen, BKS 12Z1-064.13 đi lắp bình ác quy. Lý Văn H điều khiển xe mô tô đến phòng trọ của Chu Văn T chơi thì gặp Lành Văn N, do không có tiền tiêu xài nên Lành Văn N rủ Lý Văn H "Lấy xe đi cắm đi", Lý Văn H đồng ý. Sau đó Lành Văn N, Lý Văn H mượn căn cước của Chu Văn T. Do tin tưởng nên Chu Văn T đồng ý cho Lành Văn N mượn và sử dụng căn cước công dân của mình để đứng tên cầm cố tài sản, tuy nhiên Chu Văn T không biết xe mô tô mà Lành Văn N lấy đi cầm cố là chiếm đoạt của người khác. Lý Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 12Z1-064.13 chở Lành Văn N, Chu Văn T đi đến quán sửa chữa, mua bán xe mô tô của Lô Văn C để cầm cố, hai bên thỏa thuận cầm cố xe mô tô với số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), vì đã đồng ý đứng tên cầm cố tài sản nên Chu Văn T viết giấy giao dịch cầm cố xe mô tô. Sau khi nhận tiền, Lý Văn H đưa cho Chu Văn T số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), số tiền còn lại Lý Văn H sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 16 giờ ngày 09/01/2024, Lý Văn H đi đến phòng trọ của Chu Quốc A và nói xe mô tô bị Cảnh sát giao thông bắt, cần đưa giấy đăng ký xe cho để Lý Văn H đi lấy xe, Chu Quốc A đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Lý Văn H nói với Chu Văn T "Có giấy tờ xe đây rồi" nên Chu Văn T đồng ý, Chu Văn T không biết việc Lý Văn H nói dối Chu Quốc A để lấy đăng ký xe. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Lý Văn H cầm giấy đăng ký xe mô tô cùng Lành Văn N và Chu Văn T đến quán của Lô Văn C, Lý Văn H nói với Lô Văn C "Em để giấy đăng ký xe ở đây, anh cho em thêm 5.000.000đ (năm triệu đồng)", Lô Văn C đồng ý. Sau khi Lý Văn H đưa giấy đăng ký xe mô tô, Lô Văn C trả lại cho Lý Văn H căn cước công dân của Chu Văn T và giấy giao dịch cầm cố xe mô tô. Lý Văn H trả căn cước công dân cho Chu Văn T rồi tự mình viết giấy giao dịch cầm cố mới, tuy nhiên Lý Văn H không sử dụng tên của mình mà viết tên của Chu Văn T vào giấy giao dịch, giấy giao dịch trước đó do Chu Văn T viết Lô Văn C đã thu lại. Sau khi viết xong thì Lô Văn C đưa cho Lý Văn H số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Lý Văn H sử dụng toàn bộ số tiền trên để tiêu xài cá nhân.

Lần thứ ba: Khoảng 18 giờ ngày 09/01/2024, Lành Văn N mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen, BKS 12L1-289.74 của Hoàng Văn Q để đi chợ mua đồ, Hoàng Văn Q đồng ý. Trên đường quay về trả xe Lành Văn N nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô lấy tiền tiêu xài nên đi đến phòng trọ của Chu Văn T để mượn căn cước công dân, Chu Văn T đồng ý cho Lành Văn N mượn và sử dụng căn cước công dân của mình để đứng tên cầm cố tài sản, tuy nhiên Chu Văn T không biết xe mô tô mà Lành Văn N lấy đi cầm cố là chiếm đoạt của

người khác. Sau đó Lành Văn N và Chu Văn T đi đến quán sửa chữa, mua bán xe mô tô Lô Văn C, hai bên thỏa thuận giá cầm cố xe mô tô là 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Chu Văn T viết giấy giao dịch cầm cố xe mô tô vì sử dụng căn cước công dân của Chu Văn T để đứng tên cầm cố tài sản. Sau khi nhận được tiền, Lành Văn N đưa cho Chu Văn T 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) nhưng Chu Văn T không lấy.

Ngày 17/01/2024, Lộc Văn M đến Công an huyện Lộc Bình để trình báo sự việc. Cơ quan Công an đã triệu tập Lành Văn N, Lý Văn H đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra Lành Văn N, Lý Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, Cơ quan điều tra đã thu hồi các chiếc xe mô tô mà các bị cáo cầm cố tại cửa hàng của Lô Văn C.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 03, 04 và 05/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 12Z1 - 064.13, số máy JA39E1147277, số khung 3910KY285334, tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 08/01/2024 có giá trị là 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng); 01 (một) xe mô tô hai bánh từ 50-175cm^3, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ-đen - bạc, BKS 12L1-185.43, đăng ký lần đầu ngày 17/8/2018 có giá trị 7.700.000đ (bảy triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 (một) xe mô tô hai bánh từ 50-175 cm^3, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen - bạc, BKS 12L1-289.74, đăng ký lần đầu ngày 23/3/2022 có giá trị 12.700.000đ (mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số: 20/CT-VKSLB ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lý Văn H, Lành Văn N về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lý Văn H, Lành Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Lý Văn H đồng ý bồi thường 10.900.000đ (mười triệu chín trăm nghìn đồng), bị cáo Lành Văn N đồng ý bồi thường 6.100.000đ (sáu triệu một trăm nghìn đồng), tuy nhiên hiện nay các bị cáo chưa thực hiện bồi thường được, khi nào có điều kiện sẽ bồi thường sau.

Tại phiên tòa bà Vy Thị V đề nghị pháp luật xử lý bị cáo Lành Văn N theo quy định do gia đình đã bảo nhiều lần nhưng không nghe, hôm qua bị cáo còn đem xe máy và điện thoại của tôi đi đâu không thấy mang về trả, cứ hở đồ đạc gì là mang đi không mang về, trong nhà hiện nay đến thóc cũng còn không có. Về dân sự đề nghị giải quyết theo quy định.

Quá trình điều tra các bị hại Lộc Văn M, Hoàng Văn Q, Chu Quốc A và gia đình các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lô Văn C yêu cầu Lý Văn H, Lành Văn N trả lại số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) mà Lô Văn C nhận cầm cố xe mô tô.

Quá trình điều tra những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lành Hữu Q trình bày anh là người đưa bị cáo Lành Văn N đi cầm cố xe mô tô và được Lý Văn H, Lành Văn N mời chơi điện tử không mất tiền. Tuy nhiên anh không biết nguồn gốc xe mô tô là do bị cáo Lành Văn N chiếm đoạt của người khác.

Quá trình điều tra anh Chu Văn T, Nông Công T trình bày cho bị cáo Lý Văn H, Lành Văn N mượn căn cước công dân để cầm cố xe mô tô và mỗi người được chia số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), số tiền đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết. Anh Chu Văn T và anh Nông Công T không biết nguồn gốc xe mô tô là do bị cáo Lành Văn N, Lý Văn H chiếm đoạt của người khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lý Văn H, Lành Văn N phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; áp dụng khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o, g, i khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 50, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Văn H; áp dụng khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 50, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lành Văn N; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 280; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 588, 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lý Văn H 18 đến 20 tháng tù, đề nghị xử phạt bị cáo Lành Văn N 15 đến 18 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị có Lý Văn H tính từ ngày 17-01-2024, thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Lành Văn N tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 17-01-2024, đến ngày 26-01-2024; buộc bị cáo Lý Văn H phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lô Văn C số tiền là 10.900.000 đồng (mười triệu chín trăm nghìn đồng); buộc ông Lành Văn Đ và bà Vy Thị V phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lô Văn C số tiền là 6.100.000 đồng (sáu triệu một trăm nghìn đồng), trường hợp chậm trả thì phải chịu lãi theo quy định. Về biện pháp tư pháp: Truy thu của ông Chu Văn C và bà Vi Thị T số tiền là 200.000 đồng sung ngân sách Nhà nước. Truy thu của ông Hoàng Văn P và bà Phương Thị H số tiền là 200.000 đồng sung ngân sách Nhà nước. Về án phí đề nghị theo quy định.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lành Văn N không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Lành Văn N nhất trí với tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo là 15 tháng tù; đề nghị miễn toàn bộ án

phí cho bị cáo do bị cáo là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Văn Q; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lộc Văn M; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Chu Văn T; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lành Hữu Q nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Nói lời sau cùng, bị cáo Lý Văn H thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Lành Văn N không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại điện hợp pháp của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Trong các ngày từ 03/01/2024 đến 08/01/2024, tại khu vực thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, Lành Văn N, Lý Văn H đã thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt các tài sản: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 12L1-185.43 của Lộc Văn M; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 12Z1-064.13 của Chu Quốc A; ngày 09/01/2024, Lành Văn N tiếp tục thực hiện thành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 12L1-289.74 của Hoàng Văn Q. Các tài sản trên được Lành Văn N và Lý Văn H đem đi cầm cố lấy tiền tiêu sài cá nhân. Tổng giá trị tài sản Lành Văn N chiếm đoạt là 29.900.000 đồng (*hai mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng)*. Tổng giá trị tài sản Lành Văn N và Lý Văn H cùng chiếm đoạt là 17.200.000 đồng *(mười bẩy triệu hai trăm nghìn đồng)*. Với hành vi trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lành Văn N, Lý Văn H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo

khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó. Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo lợi dụng lòng tin của bạn bè cho mượn xe mô tô sau đó các bị cáo lấy xe mô tô đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật Nhà nước bảo vệ, gây hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ nhận thức biết việc lấy xe mô tô của người khác đi bán là vi phạm pháp luật nhưng do các bị cáo không có tiền chi tiêu cá nhân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính nghiêm minh đồng thời giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về nhân thân: Ngoài lần bị truy tố và đưa ra xét xử tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo chưa bị truy tố, xét xử về hành vi phạm tội nào khác; không bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm gì nên được coi là có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được hưởng trợ giúp pháp lý nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Văn H phạm tội nhiều lần (02 lần), bị cáo Lành Văn N phạm tội nhiều lần (03 lần) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lý Văn H và Lành Văn N phạm tội với bị hại là người dưới 16 tuổi bị hại Lộc Văn M, sinh ngày 06/6/2008 (đến ngày 03/01/2024 bị hại được 15 tuổi 06 tháng 28 ngày). Riêng bị cáo Lành Văn N còn phạm tội đối với cả bị hại là anh Hoàng Văn Q, sinh ngày 28/01/2009 (đến ngày 03/01/2024 bị hại được 14 tuổi 11 tháng 6 ngày) nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phạm tội đối với người dưới 16 tuổi. Riêng bị cáo Lý Văn H vào ngày 03/01/2024 là người rủ bị cáo Lành Văn N đi bán xe mô tô lấy tiền tiêu xài nên bị cáo Lý Văn H còn bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội.

[8] Về hình phạt chính: Xét tổng giá trị tài sản mà bị cáo Lành Văn N chiếm đoạt là 29.900.000 đồng, số lần phạm tội là 03 lần và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm đối với bị cáo, bị cáo chưa bồi thường cho người liên

quan, ngoài ra bị cáo phạm tội đối với 02 người dưới 16 tuổi. Đối với người trên 18 tuổi thực hiện thì sẽ phải chịu mức hình phạt từ 20 tháng đến 24 tháng tù. Bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên mức hình phạt không quá ¾ của 20 tháng đến 24 tháng tù, tương đương không quá mức hình phạt từ 15- 18 tháng tù. Tại phiên tòa mẹ bị cáo là bà Vy Thị V còn trình bày thêm bị cáo vừa lấy xe và điện thoại của gia đình lại mang đi đâu không rõ, do vậy đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật vì gia đình bà đã bảo bị cáo nhiều nhưng bị cáo không nghe, bị cáo mặc dù đang trong thời gian chuẩn bị xét xử nhưng lại không lấy đó làm bài học mà vẫn có hành vi tiếp tục lấy đồ của gia đình mang đi gây bức xúc cho bố mẹ của bị cáo, mặc dù bị cáo chưa thành niên nhưng cũng cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhất đối với bị cáo theo quy định để bị cáo lấy đó làm bài học mà tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Đối với bị cáo Lý Văn H, tổng giá trị tài sản mà bị cáo Lý Văn H chiếm đoạt là 17.200.000 đồng, số lần phạm tội là 02 lần và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm đối với bị cáo, bị cáo chưa bồi thường cho người liên quan, bị cáo chỉ phạm tội đối với 01 người dưới 16 tuổi; do vậy mức hình phạt của bị cáo chỉ từ 18-20 tháng tù là phù hợp.

[9] Về hình phạt bổ sung: Kết quả xác minh, bị cáo Lý Văn H không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản; bị cáo Lành Văn N khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự. .

[10] Bị cáo Lành Văn N khi phạm tội chưa thành niên nên được áp dụng các Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

[11] Về biện pháp tư pháp: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Chu Văn T và anh Nông Công T mỗi người được các bị cáo chia số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), số tiền này Chu Văn T, Nông Công T đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết. Đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung ngân sách nhà nước. Do Chu Văn T và Nông Công T chưa thành niên nên buộc truy thu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đối với người đại diện hợp pháp của Chu Văn T là ông Chu Văn C và bà Vi Thị T; truy thu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đối với người đại diện hợp pháp của Nông Công T là ông Nông Văn G và bà Hoàng Thị C để sung Ngân sách Nhà nước.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Lý Văn H đồng ý trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lô Văn C số tiền 10.900.000 đồng (mười triệu chín trăm nghìn đồng); bị cáo Lành Văn N đồng ý trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lô Văn C số tiền 6.100.000 đồng (sáu triệu một trăm nghìn đồng), phù hợp với tổng số tiền mà anh Lành Văn Cu yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng cộng là 17.000.000 đồng (mười bẩy triệu đồng) và cũng phù hợp với số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt được do phạm tội mà có, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận việc đồng ý bồi thường này của các bị cáo. Mẹ của bị cáo Lành Văn N đề nghị giải quyết vấn đề bồi thường theo quy định. Hội đồng xét xử thấy do bị cáo Lành Văn N chưa thành

niên nên bố mẹ đẻ của bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Lô Văn C số tiền 6.100.000 đồng (sáu triệu một trăm nghìn đồng) mà bị cáo đồng ý trả cho Lô Văn C. Trường hợp chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định.

[13] Về xử lý vật chứng: Ngày 07/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 108/QĐ-XLVC trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 12Z1-064.13, số máy JA39E1147277, số khung 3910KY285334; 01 (Một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 005690.01 cho chủ sở hữu là Chu Quốc A. Trả lại 01 (một) Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 12L1-185.43 cho chủ sở hữu là ông Nông Văn Slin. Trả lại 01 (một) Xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đen - bạc, BKS 12L1-289.74 cho chủ sở hữu là Hoàng Văn P là đúng quy định, những người nay không có yêu cầu và đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Đối với Lành Hữu Q là người đưa bị cáo Lành Văn N đi cầm cố xe mô tô và được Lý Văn H, Lành Văn N mời chơi điện tử không mất tiền. Tuy nhiên Lành Hữu Q không biết nguồn gốc xe mô tô là do bị cáo Lành Văn N chiếm đoạt của người khác nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đồng phạm về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với Chu Văn T, Nông Công T là người cho bị cáo Lý Văn H, Lành Văn N mượn căn cước công dân để cầm cố xe mô tô và mỗi người được chia số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), số tiền này Chu Văn T, Nông Công T đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết. Chu Văn T và Nông Công T không biết nguồn gốc xe mô tô là do bị cáo Lành Văn N, Lý Văn H chiếm đoạt của người khác nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đồng phạm về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tuy nhiên hành vi của Chu Văn T và Nông Công T cho người khác mượn căn cước công dân để thực hiện hành vi trái pháp luật vì đã vi phạm điểm đ, khoản 4, Điều 10 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 cảu Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phải bị xử lý theo quy định, Nông Công T và Chu Văn T đã bị xử phạt hành chính theo quy định. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với Lô Văn C không biết nguồn gốc các xe mô tô là do bị cáo Lành Văn N, Lý Văn H chiếm đoạt của người khác mang đến cầm cố nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Nhưng hành vi kinh doanh dịch vụ cầm đồ khi chưa được phép của Lô Văn C đã vi phạm điểm a, khoản 4, Điều 12 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 cảu Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phải bị xử lý theo quy định, Lô Văn C đã bị xử phạt hành chính theo quy định. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lành Văn N; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phần nào có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận, phần nào không có căn cứ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[19] Về án phí: Do các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lành Văn N là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đều đã có đơn xin được miễn án phí dân sự, hình sự sơ thẩm. Do vậy Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lý Văn H, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lành Văn N, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho người đại diện hợp pháp của bị cáo Lành Văn N.

[20] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lý Văn H, Lành Văn N; đại diện hợp pháp của bị cáo Lành Văn N là bà Vy Thị V; người bào chữa của bị cáo Lành Văn N; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Văn Q; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lộc Văn M; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Chu Văn T; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lành Hữu Q; người đại diện hợp pháp của bị cáo Lành Văn N là ông Lành Văn Đ, bị hại anh Chu Quốc A, bị hại anh Hoàng Văn Q, người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Văn Q là ông Hoàng Văn P và bà Phương Thị H, bị hại anh Lộc Văn M, người đại diện hợp pháp của anh Lộc Văn M là bà Nông Thị H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Chu Văn T, người dại diện hợp pháp của anh Chu Văn T là ông Chu Văn C và bà Vi Thị T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nông Công T, người đại diện hợp pháp của anh Nông Công T là ông Nông Văn G và bà Hoàng Thị C; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lành Hữu Q; người đại diện hợp pháp của anh Lành Hữu Q là ông Lành Văn M và bà Hoàng Thị V; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lô Văn C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm o, g, i khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 50, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Văn H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 50, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lành Văn N.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 280; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 588, 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Lý Văn H, Lành Văn N phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lý Văn H 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17-01-2024.

Xử phạt bị cáo Lành Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ bị cáo từ ngày 17-01-2024 đến ngày 26-01-2024.

3. Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lý Văn H phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lô Văn C số tiền là 10.900.000 đồng (mười triệu chín trăm nghìn đồng).

Buộc ông Lành Văn Đ và bà Vy Thị V phải trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lô Văn C số tiền là 6.100.000 đồng (sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, mà người phải thi hành án chậm thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về biện pháp tư pháp: Truy thu của người đại diện hợp pháp của anh Chu Văn T là ông Chu Văn C và bà Vi Thị T số tiền là 200.000 đồng sung ngân sách Nhà nước. Truy thu của người đại diện hợp pháp của anh Nông Công T là ông Nông Văn G và bà Hoàng Thị C số tiền là 200.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

5. Án phí:

Bị cáo Lý Văn H được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Lành Văn N được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Đại diện hợp pháp của bị cáo Lành Văn N là ông Lành Văn Đ và bà Vy Thị V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Lý Văn H, Lành Văn N; đại diện hợp pháp của bị cáo Lành Văn N là bà Vy Thị V; người bào chữa của bị cáo Lành Văn N; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hoàng Văn Q; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lộc Văn M; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Chu Văn T; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lành Hữu Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lành Văn N là ông Lành Văn Đ, bị hại anh Chu Quốc A, bị hại anh Hoàng Văn Q, người đại diện hợp pháp của anh Hoàng Văn Q là ông Hoàng Văn P và bà Phương Thị H, bị hại anh Lộc Văn M, người đại diện hợp pháp của anh Lộc Văn M là bà Nông Thị H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Chu Văn T, người dại diện hợp pháp của anh Chu Văn T là ông Chu Văn C và bà Vi Thị T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nông Công T, người đại diện hợp pháp của anh Nông Công T là ông Nông Văn G và bà Hoàng Thị C; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lành Hữu Q; người đại diện hợp pháp của anh Lành Hữu Q là ông Lành Văn M và bà Hoàng Thị V; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lô Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA h.Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người ĐHP, người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại; người CQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai